TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HN&GĐ-ST
Ngày: 21-02-2024
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Hoàng Phúc.

2/ Bà Nguyễn Thị Bình.

Thư ký phiên toà: Ông Bùi Chí Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 423/2023/TLST-HN&GĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HN&GĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HN&GĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Số 47, đường Trần Phú, khu phố 9, thị trấn Đt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Trần Hoàng V, sinh năm 1996;

Nơi cư trú: Số 188, đường Tôn Đức Thắng, khu phố 3, thị trấn Vx, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2021, chị T và anh V đã kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vx, huyện Đức Linh; vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp T1h tình, không thể dung hòa mọi vấn đề trong cuộc sống, vợ chồng không còn tình cảm, yêu thương, quý trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt, có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh V.

Về con chung: Chị T và anh V có với nhau 02 con chung tên Trần Hoàng T1, sinh ngày 27/9/2021; chị T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhập yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị T ly hôn anh Trần Hoàng V.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị T quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trần Hoàng T1, sinh ngày 27/9/2021; buộc anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Ghi nhận ý kiến tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu giải quyết tranh chấp tài sản chung và nợ.

4. Buộc chị T chịu án phí ly hôn, anh V chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Lê Thị T khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn Trần Hoàng V; bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại khu phố 3, thị trấn Vx, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn theo Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư ngày 08/11/2023 của Công an thị trấn Vx, huyện Đức Linh; do đó, căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2027/NQ-HĐTP ngày 5-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Chị T và anh V tự nguyên tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân vào năm 2021, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vx. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị T và anh V sống chung với nhau như vợ chồng được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của chị T là do anh chị không hợp nhau về mọi vấn đề; qua hòa giải và tại phiên tòa chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết ly hôn anh V.

Qua nội dung xác minh đối với Trưởng khu phố và ông Trần Quang V1 (cha ruột của Trần Hoàng V) vào ngày 29/12/2023 thể hiện giữa chị T và anh V thật sự có mâu thuẫn với nhau trong thời kỳ hôn nhân.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh V.

[3.2] Về con chung: Căn cứ bản sao giấy khai sinh số 771, đăng ký ngày 16/11/2021 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vx thì có căn cứ khẳng định cháu Trần Hoàng T1, sinh ngày 27/9/2021 là con chung của chị Lê Thị T và anh Trần Hoàng V. Sau khi ly hôn thì chị T có nguyên vọng được quyền nuôi dưỡng con chung.

Nhận thấy, T1h đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì cháu T1 chưa đủ 03 tuổi; chị T có công việc (là công nhân) và thu nhập ổn định, từ thời điểm chị T và anh V sống ly thân cho đến nay thì chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đời sống vật chất của cháu đang ổn định, cháu đang trong giai đoạn phát triển về tâm sinh lý, việc thay đổi chỗ ở, nơi học tập, môi trường sinh hoạt ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về tình cảm, tâm sinh lý của cháu. do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị T quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81; khoản 2, khoản 3 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình khởi kiện cũng như tại phiên tòa, chị T yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 2.000.000đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con".

Tại Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con như sau:

"Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con".

Tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh V về mức cấp dưỡng, nhưng việc chị T yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với điều luật đã được viện dẫn. Tuy nhiên qua nội dung xác minh thì anh V không có công việc ổn định, mức cấp dưỡng mà chị T yêu cầu là chưa phù hợp, do đó Hội đồng xét xử quyết định buộc anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng kể từ tháng 03/2024 đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

[3.4] Về tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị T ly hôn anh Trần Hoàng V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 28, đăng ký ngày 10/3/2021 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vx, huyện Đức Linh giữa chị Lê Thị T và anh Trần Hoàng V hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị T quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trần Hoàng T1, sinh ngày 27/9/2021.

Buộc anh Trần Hoàng V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 1.500.000 đồng/ tháng, cấp dưỡng kể từ tháng 03/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà Lê Thị T có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay đối với khoản tiền cấp dưỡng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không yêu cầu Toà án giải quyết tranh chấp về tài sản, nợ chung trong vụ án này.

4. Về án phí: Buộc chị Lê Thị T phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu số 0017576 ngày 09/10/2023. Chị Lê Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Buộc anh Trần Hoàng V phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND TT. Đt và TT. Vx;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

MAI THUẬN